

## ĐỊNH HƯỚNG ÁP DỤNG MÔ HÌNH CSR VÀO ĐƠN VỊ CÔNG TẠI VIỆT NAM

Phạm Quang Huy

### Tóm tắt

Một nền kinh tế phát triển và hướng đến sự bền vững khi có sự tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như sự hiệu quả trong hoạt động theo chức năng được giao tại những đơn vị công. Dù khu vực tư hay khu vực công thì tất cả đều phải xác định những mục tiêu cần đạt được trong hiện tại và tương lai nhưng phải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến tự nhiên, xã hội. Điều này lại càng trở nên quan trọng hơn khi các đơn vị công còn nắm giữ việc điều hành một số lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến môi trường, không khí, tài nguyên mà khu vực tư không được quản lý. Do đó, các đơn vị công càng phải hướng đến đáp ứng yêu cầu về trách nhiệm với toàn xã hội, đảm bảo sự hữu hiệu trong hoạt động. Vì thế việc áp dụng mô hình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp vào đơn vị công là một xu thế tất yếu bởi điểm cuối cùng mà mô hình này đạt đến chính là sự minh bạch, trách nhiệm giải trình và công bằng với môi trường. Bằng phương pháp nghiên cứu phân tích và tổng hợp các công trình khoa học, mục đích chính của bài viết là giới thiệu về mô hình này trong điều kiện cụ thể tại đơn vị công, qua đó giới thiệu những nhân tố tác động và nguyên tắc vận dụng.

**Từ khóa:** Bền vững, CSR, doanh nghiệp, khu vực công, trách nhiệm xã hội

## ORIENTATION FOR APPLYING THE MODEL OF CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY INTO THE PUBLIC SECTOR IN VIETNAM

### Abstract

An economy will be developed and be towards to sustainability when it has growth of business activities of the companies and the effectiveness in the operations based on their assigned functions in public units. Whether private sector or public sector is, all areas have to determine the objectives that should be achieved in present and future; but they must not affect to natural environment and the society. It becomes ever more important when the public entities have also held to operate a number of sectors and industries related to environment, climate, and resources that private sector is not allowed to manage. To adapt in the global integration, the public sector should apply and orient to requirement of social responsibility to ensure effectiveness in their operation. Therefore, the application Corporate Social Responsibility Model into public sector organizations is inevitable because the last point of this model reaches is transparency, accountability and fair to environment. By means of analysis and synthesis of scientific articles, the main purpose of this paper is to introduce of this model in specific conditions at public units, which introduces the impact factor and principles for application.

**Keywords:** CSR, enterprises, public sector, social responsibility, sustainability

### 1. Giới thiệu

Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (theo tiếng Anh là CSR) được đề cao hơn trước cũng như dành được sự quan tâm của người dân tại nhiều quốc gia và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng chung này (Korhonen, 2003). Mục tiêu CSR chính là nhằm đảm bảo tổ chức phát triển theo đúng mục tiêu đã đề ra với định hướng bền vững trong một thời gian dài để tiến hành hoạt động hoặc kinh doanh (Jamali, 2008). Bên cạnh những doanh nghiệp hay công ty thì các đơn vị công cũng tồn tại song hành với những doanh nghiệp để cùng tạo ra những hoạt động chung cho nền kinh tế (WGARI, 2005). Một điểm cần phải chú ý chính là nếu đi vào phân tích nguồn vốn của những đơn vị công này thì chúng lại nắm

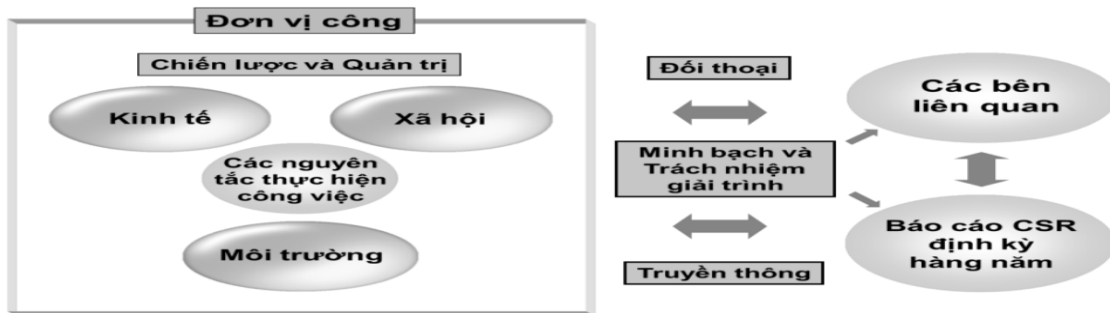
giữ cho mình một nguồn ngân sách lớn với phạm vi chi phối, tác động ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Có thể có những ngành nghề không có doanh nghiệp nào tham gia trên thị trường nhưng chắc chắn phải có một đơn vị công nào đó phụ trách bởi do trách nhiệm chính của những đơn vị này là quản lý hành chính theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn do nhà nước giao phó (Alnoor & Kazbi, 2005). Khi sử dụng nguồn ngân sách cho hoạt động theo chức năng, các viên chức trong đơn vị cần nhận thức được rằng ngân sách có được là do sự tập trung về thuế của toàn bộ xã hội (Matten & Moon, 2008). Với những điều còn giới hạn trong khu vực công so với các doanh nghiệp như trên thì việc áp dụng mô hình CSR vào những đơn vị này là cần thiết bởi do những đơn vị công

càng cần phải có trách nhiệm đối với xã hội hơn cả doanh nghiệp bởi những đơn vị này phải thực hiện khá nhiều công việc, lĩnh vực hoạt động mà doanh nghiệp có thể không thể đảm nhận. Bài viết sẽ giới thiệu một bức tranh chung về mô hình CSR, những thành phần cần tập trung phân tích khi áp dụng CSR vào khu vực công và một số gợi ý chính sách cho việc phát triển bền vững cho kế toán công Việt Nam.

**2. Giới thiệu về CSR và các nhân tố tác động việc áp dụng CSR**

Phát triển bền vững của một tổ chức gồm sự phát triển về mặt kinh tế và về mặt xã hội để giúp nâng cao được cân bằng giữa môi trường tự nhiên với chính hoạt động của đơn vị đó. Thuật ngữ CSR ra đời từ những năm 1970 của thế kỷ 20 bởi Giáo sư Friedman - người đoạt giải Nobel Kinh tế 1976 - đã đưa ra luận điểm cho rằng CSR giúp làm tăng lợi ích lâu dài của đơn vị. Lúc bấy giờ, quan điểm của nhà khoa học này nhanh chóng giữ một ý nghĩa quan trọng trong nền tảng khoa học của nhiều lớp trí thức của Hoa Kỳ.

Ngay sau đó, CSR trở thành xu hướng của tầng lớp tiến bộ ở các nước tiên tiến trên thế giới (Barnett, 2007). Ngày nay, quan điểm này vẫn đang tiếp tục phát triển và phổ biến rộng rãi và nó đã trở thành nguyên tắc bắt buộc cho hầu hết các tập đoàn và công ty đa quốc gia trên toàn thế giới. Từ sự phát triển bền vững sẽ là nguyên nhân hướng đến việc áp dụng tính CSR vào chính đơn vị theo hướng giai đoạn gồm 3 bước, đó là: (i) sự phát triển bền vững; (ii) đơn vị đủ nguồn lực để đóng góp cho xã hội; (iii) tạo ra trách nhiệm xã hội của đơn vị (Arjan de Draaijer - KPMG Global Sustainability Services 2016). Khi xem xét trong bối cảnh các đơn vị công thì việc áp dụng CSR được xem là một trong những sứ mệnh và nhiệm vụ của chính đơn vị đó (Stead & Stead, 2008). Trách nhiệm xã hội được xem là một lĩnh vực thuộc về phạm trù đạo đức và nó cần tồn tại song hành với mục tiêu hoạt động của đơn vị. Các yếu tố chủ yếu trong mô hình CSR được thể hiện qua hình sau:

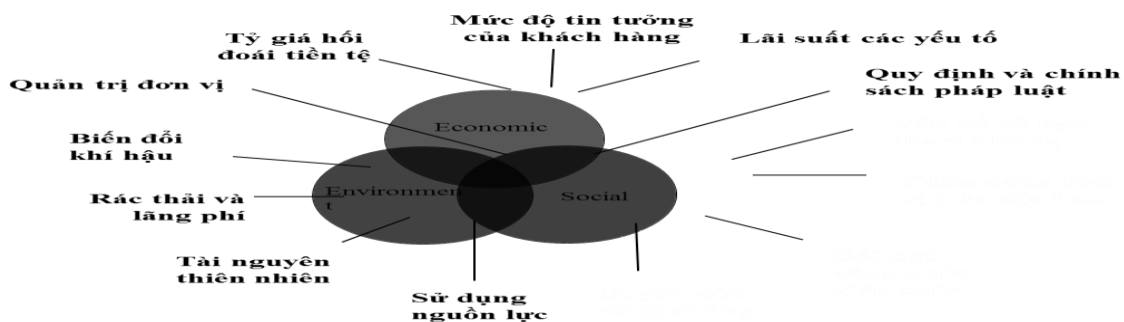


Hình 1. Các yếu tố chính của CSR trong đơn vị công

Nguồn: Shachi & Sangeeta (2016)

Những yếu tố trên liên quan đến kinh tế, xã hội, môi trường nếu được xem xét trong đơn vị

công thì sẽ phân tích thành một số nhân tố cụ thể như hình sau:



Hình 2. CSR với các nhân tố trong khu vực công

Nguồn: Michael Kerr (2006) - Natural Advantage Lead Counsel

Với mô hình trên thì có thể hiểu rằng mặc dù những đơn vị công có những hoạt động khác biệt với các doanh nghiệp nhưng bản thân những đơn vị này cũng cần phải xác định việc áp dụng CSR nằm trong mục tiêu và chiến lược chung của tổ chức. Điều này được thể hiện rõ trong sứ mạng và tầm nhìn của chính đơn vị, được công bố công

khai, đầy đủ, rõ ràng cho toàn thể công chức, viên chức đơn vị hiểu và nắm được thấu đáo. Việc này sẽ được ban lãnh đạo triển khai thông qua công tác đối thoại với viên chức cũng như các đơn vị khác có mối quan hệ bằng quá trình truyền thông liên tục.

### 3. Vận dụng mô hình CSR vào đơn vị công tại Việt Nam

Khu vực công là một bộ phận cơ bản thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và phát triển chung của nền kinh tế, xã hội. Chất lượng hoạt động của khu vực công sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và tiến trình vận hành chung của toàn bộ nền kinh tế và đảm bảo ngân sách hiệu quả theo một hướng thống nhất của một quốc gia. Tại Việt Nam, nguồn ngân sách nhà nước cũng có tính giới hạn nhưng phải đảm bảo thực hiện một khối lượng công việc và chương trình lớn và quá trình hoạt động của khu vực công Việt Nam có một sự tách biệt tương đối trong các hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, khu vực công lại cùng với khu vực tư nhân sẽ thực hiện một số chức năng do nhà nước giao nhằm mang lại tính hiệu quả hơn cho người dân của quốc gia trong việc sản xuất, cung cấp hàng hóa hoặc những dịch vụ nhất định. Điều này thường được thể hiện ở một số hoạt động có tính

chất đặc thù như trong quản lý chất thải, quản lý nguồn nước, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ an ninh và khu vực trú ẩn cho những người vô gia cư hay gặp phải hoàn cảnh khó khăn. Hơn nữa, đối với quá trình cung cấp hàng hóa công hay dịch vụ công thì một trong những đặc điểm hoạt động quan trọng chính là khu vực công luôn cung cấp sản phẩm mang tính đặc thù mà không cần thu về bất kỳ khoản nào và việc cung cấp này sẽ nhằm mang lại lợi ích cho toàn xã hội chứ không phải cho bất kỳ một người sử dụng dịch vụ cụ thể nào, cũng thông qua điều này sẽ mang lại và khuyến khích tạo ra các cơ hội bình đẳng cho các đối tượng trong xã hội. Những điều này cần phải đưa vào Báo cáo hướng đến vì mục tiêu sự phát triển bền vững trong khu vực công bởi do có nhiều hoạt động mà nhà nước không có nguồn thu hay khoản bồi hoàn nào nhưng phải chi ra những khoản ngân sách nhất định cho các đối tượng đó (Wilson, 2003). Báo cáo CSR trong khu vực công cũng được xem là báo cáo cho sự bền vững sẽ có các thành phần theo hình sau:

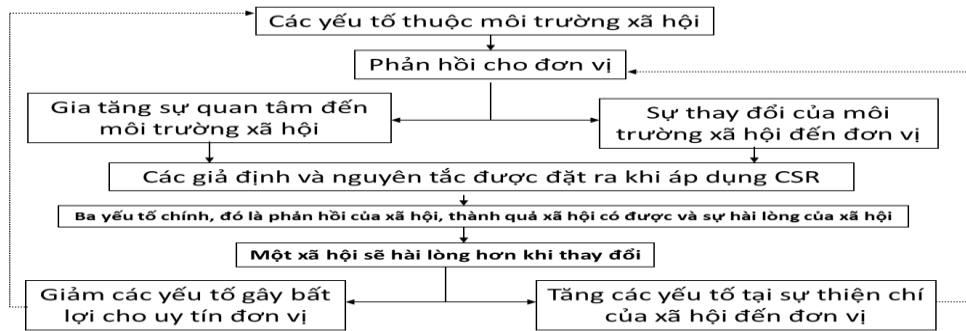


Hình 3. Báo cáo CSR trong một đơn vị công

Nguồn: WB (2017) – Public Sector with CSR – An adoption for improvement

Mô hình CSR theo hình 2 làm cho đơn vị đạt được mục tiêu với ít sự ảnh hưởng đến môi trường và xã hội, giúp thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình thông tin, mà những tính chất này lại vô cùng cần thiết trong một đơn vị công theo hướng dẫn của Ủy ban chuẩn mực kế toán công quốc tế. Theo Ủy ban này, tính minh bạch là tính chất mở của chính phủ, tạo ra thông tin mang tính chất sẵn sàng giúp cho việc ra quyết định và mang lại về cho những lợi ích của toàn công chúng. Đối với trách nhiệm giải trình thì đây chính là việc thực thi quyền lực, gắn liền với trách nhiệm và phù hợp với các nghĩa vụ trước xã hội (Epstein, 2008). Do đó, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình có mối quan hệ tương tác lẫn nhau trong quá trình quản trị của chính phủ hay tại các khu vực công của một quốc gia. Những điều này chỉ có khi đơn vị thực sự có trách nhiệm với chính những hành động mà mình

thực hiện. Ngoài ra, các yếu tố bên trong và bên ngoài thường gắn liền với khuôn mẫu lý thuyết và các yếu tố đặc thù của vùng miền. Những yếu tố này có tác động không nhỏ đến việc áp dụng CSR vào đơn vị công (Ruf et al, 2001). Nếu như thông tin trong đơn vị công đã minh bạch và số liệu kế toán rõ ràng, thì việc đóng góp cho xã hội hoàn toàn mang tính rõ ràng và có thể kiểm chứng. Sau khi nghiên cứu cả về bên trong lẫn bên ngoài thì việc triển khai cho quá trình viết cũng như công bố Báo cáo bền vững sẽ được thực thi theo 5 nội dung, đó là thu thập thông tin, nhận định tính riêng có, nền tảng khuôn mẫu chung, viết báo cáo và phân tích định hướng. Để thực hiện đưa việc áp dụng mô hình CSR vào đơn vị công tại Việt Nam phù hợp thì điều kế tiếp chính là cần xác định về sự ảnh hưởng cũng như tác động khi sử dụng CSR đến xã hội như thế nào. Việc này thể hiện qua hình chu trình như sau:



Hình 4. Quy trình phản hồi cho đơn vị

Nguồn: Guideline of Business for Social Responsibility (2016)

Quy trình phản hồi trên cho thấy được điểm đến cuối cùng khi đơn vị áp dụng CSR chính là hướng đến sự hài lòng của các bên liên quan bằng sự quan tâm đến môi trường và xã hội, còn hoạt động của những đơn vị có thể xem chính là

chìa khóa kinh tế được nhà nước hay cấp trên giao theo nhiệm vụ đã xác lập. Việc áp dụng mô hình CSR vào các đơn vị công tại Việt Nam nếu triển khai thành công có thể đem lại 9 lợi ích cho chính đơn vị đó như sau:

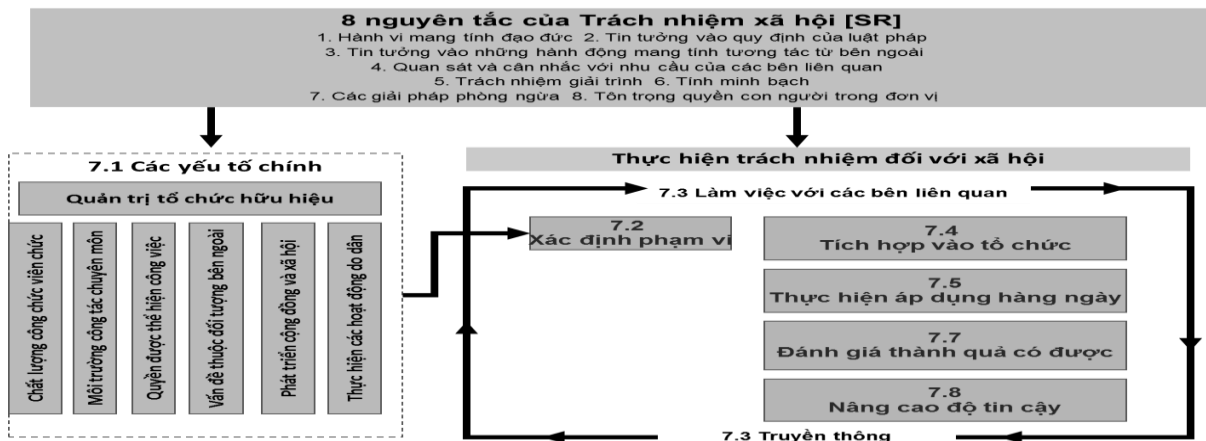


Hình 5. Lợi ích có được khi ứng dụng CSR vào đơn vị

Nguồn: Tác giả tự thiết kế (2017) dựa theo mô hình FASSET (2012)

Chín lợi ích trên có quan hệ chặt chẽ và tác động lẫn nhau và có những lợi ích chỉ tồn tại khi áp dụng CSR vào khu vực công. Nếu xem xét trong bối cảnh Việt Nam thì những lợi ích trên càng rõ ràng. Chẳng hạn như nếu đơn vị mình đáp ứng được những yêu cầu không chỉ hoạt động mà còn vì mục tiêu môi trường thì sẽ tăng uy tín, thu hút được kinh phí đầu tư nhanh chóng

và kết quả công việc sẽ có tính hiệu quả cao. Để tăng tính phù hợp hơn trong khu vực công thì bài viết sẽ dựa trên khung lý thuyết có sẵn cùng với những yếu tố trong mô hình CSR để đưa ra 8 nguyên tắc liên quan đến trách nhiệm xã hội (SR) và bỏ đi cụm từ “doanh nghiệp” như một cách tách biệt tương đối theo hình sau:



Hình 6. Tám nguyên tắc và bảy giai đoạn Trách nhiệm xã hội trong đơn vị công

Nguồn: Tác giả xây dựng

Mô hình trên với việc bỏ đi chữ C càng cho thấy sự phù hợp cho các đơn vị công ở Việt Nam và thấy rõ việc áp dụng CSR là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của đơn vị công cũng như thay đổi hệ thống kế toán theo hướng áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế trong giai đoạn đến năm 2025 bởi vì khi áp dụng CSR sẽ tạo ra sự minh bạch, trách nhiệm giải trình thông tin tài chính và phi tài chính cho đơn vị. Ngoài ra, đơn vị này sẽ nâng cao hơn nữa giá trị của công chức và luôn sẵn sàng các phương án ngăn ngừa rủi ro xảy ra cho đơn vị có thể không đạt được những kế hoạch đã đề ra.

#### **4. Kết luận**

Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp CSR được các nhà khoa học xem đây là một ý tưởng doanh

nh nghiệp có nghĩa vụ với xã hội hơn là chỉ hướng đến thỏa mãn các bên liên quan. Càng quan trọng hơn khi đơn vị công lại đang nắm giữ những lĩnh vực, hoạt động trọng yếu của một quốc gia và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó. Qua đây hiểu rằng áp dụng CSR vào đơn vị công là một điều cần thiết để sao cho các đơn vị công không chỉ thực hiện những chiến lược đã đề ra thuộc khía cạnh tài chính, nhân sự, sản xuất kinh doanh bổ sung mà còn hướng đến tính cộng đồng, tính xã hội chung và quan tâm đến tương tác với môi trường trong phạm vi địa lý mà đơn vị công đó trú đóng. Những yếu tố cần phải được xem chiến lược cốt lõi của chính đơn vị công đó.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. A. Crane, D. Matten. (2004). *Business Ethics: A European Perspective – Managing Corporate Citizenship and Sustainability in the Age of Globalization*. Oxford (Oxford University Press).
- [2]. A. Crane, D. Matten (eds.). (2007). *Corporate Social Responsibility*. Three Volumes Edited Collection, London (Sage).
- [3]. A. Crane, D. Matten, A. McWilliams, J. Moon, D. Siegel (eds.). (2007). *The Oxford Handbook of Corporate Social Responsibility*. Oxford (Oxford University Press).
- [4]. A. Crane, D. Matten, L. Spence. (2007). *Corporate Social Responsibility in Global Context – A Reader*. London Routledge.
- [5]. Alnoor, B. & Kazbi, S. (2005). From conformance to performance: The corporate responsibilities continuum. *Journal of Accounting and Public Policy*, vol. 24, pp. 165–174.
- [6]. Barnett, M. L. (2007). Stakeholder influence capacity and the variability of financial returns to corporate social responsibility. *Academy of Management Review*, vol. 32, no. 3, pp. 794–816.
- [7]. Epstein, M. (2008). *Making Sustainability Work: Best Practices in Managing and Measuring Corporate Social, Environmental and Economic Impacts*. San Francisco: Berrett-Koehler Publishers.
- [8]. Jamali, D. (2008). A Stakeholder Approach to CSR: A Fresh Perspective in Theory and Practice. *Journal of Business Ethics*, vol. 82, pp. 213-231.
- [9]. Korhonen, J. (2003). Should we measure CSR?. *Corp. Soc. Responsib. Environ. Mgmt*, vol. 10, pp. 25-39.
- [10]. Matten, D. & Moon, J. (2008). “Implicit” and “Explicit” CSR: A Conceptual Framework for a Comparative Understanding of CSR. *Academy of Management Review*, vol. 33, no. 2, pp. 404–424.
- [11]. Orlitzky, M., F. L. Schmidt & S. L. Rynes. (2003). Corporate Social and Financial Performance: A Meta-analysis. *Organization Studies*, vol. 24, no. 3, pp. 403-441.
- [12]. Porter, M. E. & M. R. Kramer. (2006). Strategy & Society: The link between competitive advantage and Corporate Social Responsibility. *Harvard Business Review*, vol. 84, pp. 78-92.
- [13]. Ruf et al. (2001). *An Empirical Investigation of the Relationship Between Change in CS Performance and Financial Performance*. *Journal of Business Ethics*, vol. 32, pp. 143–156.
- [14]. Shachi, R. & Sangeeta. (2016). Factors Explaining Corporate Social Responsibility Expenditure in India. *Review of Market Integration*, vol. 7, no. 1, ISSN: 0974-9292.
- [15]. Stead, J, G & Stead E. (2008). Sustainable Strategic Management: an evolutionary perspective. *International Journal Sustainable Strategic Management*, vol. 1, no. 1, pp. 62-81
- [16]. WGARIA: Working Group Accounting and Reporting of Intangibles. (2005). Corporate Reporting on Intangibles - A Proposal from a German Background. *Schmalenbach Business Review*, Special Issue 2, pp.65-100.
- [17]. Wilson, H. (2003). Corporate Sustainability: What is it and Where does it come from. *Ivey Business Journal*, pp.1-5.

---

#### **Thông tin tác giả:**

**Phạm Quang Huy**, Tiến sĩ  
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế TP HCM  
- Địa chỉ email: [pquanghuy@ueh.edu.vn](mailto:pquanghuy@ueh.edu.vn)

Ngày nhận bài: 18/05/2017  
Ngày nhận bản sửa: 28/06/2017  
Ngày duyệt đăng: 30/06/2017